TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **47/**2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 583/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà V.T.H.N, sinh năm 1985

Địa chỉ HKTT: Đường I, Phường A, Quận B – Thành phố X.

Tạm trú: Đường J, Phường A, Quận B – Thành phố X.

Bị đơn: Ông C.M.H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường I, Phường A, Quận B – Thành phố X.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/01/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà V.T.H.N và ông C.M.H (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố X cấp ngày 30/3/2011).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà V.T.H.N và ông C.M.H xác nhận có hai con chung tên C.N.P, sinh ngày 17/2/2012 và C.K.H, sinh ngày 05/3/2017. Hai bên thỏa thuận giao trẻ P cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông bà có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông bà không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Hai bên đương sự xác định không có.

2.3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà V.T.H.N tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009675 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Bà N được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hồ Thị Chơn